

Mẫu dùng cho NH 2021-2022 và từ khóa tuyển sinh 2021

Phụ lục 2

(Kèm theo Thông báo số 792/TB-ĐHVL-ĐT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Luật Kinh tế

Niên khóa: 2021 – 2025+

(Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHVL-ĐT, ngàythángnăm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Cử nhân Luật Kinh tế	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam	
Bậc 6	
Đơn vị cấp bằng	Đơn vị giảng dạy
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Khoa Luật	
Trang thông tin điện tử của khoa	
http://luat.vanlanguni.edu.vn/	
Tên văn bằng	
Cử nhân Luật Kinh tế	
Mã ngành đào tạo	
7380107	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Luật tuyển sinh theo các phương thức sau: <ul style="list-style-type: none">- Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia;- Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả học tập học bạ năm lớp 12 phổ thông trung học;- Phương thức 3: xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh;	

- Phương thức 4: tuyển trực tiếp những học sinh đoạt giải thưởng cấp quốc gia.				
Thời gian và hình thức đào tạo				
Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân ngành Luật Kinh tế	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2021	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Tổ xây dựng/rà soát CTĐT (Tên của tổ trưởng và các thành viên chính tham gia xây dựng/rà soát CTĐT)

TT	Họ tên	Học hàm – Học vị	Vai trò	Chuyên môn
1	Bùi Anh Thủy	PGS.TS.GVCC	Tổ trưởng	Luật Kinh tế Luật Lao động
2	Phan Quang Thịnh	PGS.TS.GVCC	Thành viên	Luật Hành chính
3	Đình Ngọc Vượng	PGS. TS	Thành viên	Luật Kinh tế, Luật Quốc tế
4	Vũ Thị Thúy	TS. GVC	Tổ phó	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	Nguyễn Thị Yên	ThS. GVC	Thành viên	Luật Hình sự Quốc tế
6	Trần Minh Toàn	Thạc sĩ	Thành viên	Luật Thương mại
7	Nguyễn Tất Thành	Tiến sĩ	Thành viên	Luật học
8	ThS. Đình Lê Oanh	Thạc sĩ	Thành viên, Trưởng nhóm Thư ký	Luật Dân sự
9	ThS. LS. Vũ Thị Bích Hải	Thạc sĩ	Thành viên	Luật Thương mại
10	ThS. Nguyễn Ngọc Biện Thùy Hương	Thạc sĩ	Thành viên	Luật Thương mại
11	ThS. Lê Hồ Trung Hiếu	Thạc sĩ	Thành viên	Luật Thương mại Quốc tế

TT	Họ tên	Học hàm – Học vị	Vai trò	Chuyên môn
12	ThS. Đoàn Kim Vân Quỳnh	Thạc sĩ	Thành viên, Thư ký	Luật Thương mại Quốc tế
13	ThS. Vũ Trọng Khang	Thạc sĩ	Thành viên	Luật Kinh tế
14	ThS. LS. Kiều Anh Vũ	Thạc sĩ	Thành viên	Luật học
15	TS. Phan Phương Nam	Tiến sĩ	Thành viên	Luật Kinh tế
16	Bà Trương Như Hoa		Thành viên	Luật Kinh doanh

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1:* Làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FDI), khu vực doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước;
- *Nhóm 2:* Làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan bảo vệ pháp luật (như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án, Cơ quan điều tra ...); đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị - xã hội;
- *Nhóm 3:* Làm việc tại các tổ chức hỗ trợ tư pháp bao gồm: Tổ chức hành nghề Luật sư; Quản tài viên; Tổ chức đấu giá tài sản; Trọng tài thương mại; Tổ chức giám định tư pháp; Tổ chức hành nghề Công chứng; Văn phòng Thừa phát lại;
- *Nhóm 4:* Tham gia giảng dạy, làm việc, nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;
- *Nhóm 5:* Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của CTĐT là: <i>“Sự kết hợp của lý thuyết cùng các hoạt động ứng dụng mô phỏng và thực hành các kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn”</i>
5b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về Nhà nước và pháp luật, kiến thức sâu về pháp luật kinh tế, bồi dưỡng năng lực thực hành, tạo ra nguồn nhân lực có thể lực và phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức, thái độ tích cực, tôn trọng, bảo vệ pháp luật và công lý; gắn bó với nghề nghiệp, trung thực và tận tụy trong công việc; có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phản biện; có kiến thức pháp luật kinh tế vững vàng, kỹ năng hành nghề chuyên nghiệp, giải quyết được những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và các hoạt động sản xuất - kinh doanh; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước trong kỷ nguyên số; có khả năng và động lực tiếp tục học tập để đạt trình độ học vấn cao hơn.

5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
ELO 1	Áp dụng kiến thức chung về chính trị, kinh tế, xã hội, tâm lý, khoa học, an ninh quốc phòng vào thực tiễn cuộc sống và công việc chuyên môn.
ELO 2	Sử dụng kiến thức của ngành Luật Kinh tế để nhận diện, giải thích và đánh giá những sự kiện pháp lý xảy ra tại nơi làm việc, nơi tác nghiệp.
ELO 3	Đề xuất những giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực Luật Kinh tế.
Kỹ năng:	
ELO 4	Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin, công nghệ số và năng lực ngoại ngữ phục vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
ELO 5	Ứng dụng hiệu quả các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tương tác, giao tiếp, lập luận chuyên môn luật, thuyết trình.
ELO 6	Vận dụng kỹ năng lập luận, khả năng sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến chuyên môn.
ELO 7	Xây dựng được những kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	
ELO 8	Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp, có ý thức vững vàng về đạo đức nghề nghiệp và ý chí rèn luyện sức khỏe bản thân.
ELO 9	Tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
ELO 10	Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân tăng khả năng thích ứng trong môi trường làm việc.
5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT	
i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)	
<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. - Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Hơn nữa, sinh viên có thể tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế. 	
ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)	
<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật. 	

- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

6. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của các học phần cho các ELOs):

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	
1	71PO LP10 013	Triết học Mác – Lênin	3	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S	
2	71PO LE10 022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S	
3	71PO LS10 032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S	
4	71PO LH10 042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S	
5	71PO LC10 052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S	
6	71LA WS10 172	Logic học đại cương	2	H	N	N	N	S	H	N	N	N	S	
7	71LA WS10 612	Tâm lý học đại cương	2	H	N	S	N	H	H	N	S	N	N	
8	71EN G110 013	Anh văn 1 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	
9	71EN G210 023	Anh văn 2 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	
10	71EN G310 033	Anh văn 3 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	
11	71EN G410 043	Anh văn 4 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	
12	71EN G510 053	Anh văn 5 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	
13	71EN G610 063	Anh văn 6 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S	

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
14	71EN G710 073	Anh văn 7 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
15	71IN FB10 012	Tin học cơ bản	2	N	N	N	H	S	S	N	N	N	S
16		Giáo dục thể chất 1*	2	N	N	N	N	S	N	N	H	N	S
17		Giáo dục thể chất 2*	2	N	N	N	N	S	N	N	H	N	S
18		Giáo dục quốc phòng*	11	H	N	N	N	S	N	N	S	N	S
19	71SS K020 003	Kỹ năng mềm	3	N	N	N	N	H	S	N	S	N	S
20	71LA WS10 152	Lễ tân ngoại giao	2	H	N	N	N	H	N	N	N	N	S
21	71LA WS10 602	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	S	S	N	N	S	H	N	N	N	H
22	71EC ON20 063	Kinh tế học đại cương	3	S	S	N	N	S	S	N	N	N	S
23	71LA WS30 453	Lý luận về Nhà nước và pháp luật	3	N	H	N	N	S	H	N	S	S	S
24	71LA WS30 162	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	N	H	N	N	S	H	N	S	S	S
25	71LA WS30 352	Luật So sánh	2	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S
26	71LA WS30 252	Luật Hiến pháp	2	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
27	71LA WS40 243	Luật Hành chính	3	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S
28	71LA WS40 463	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	3	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S
29	71LA WS40 264	Luật Hình sự	4	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S
30	71LA WS40 553	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
31	71LA WS40 523	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
32	71LA WS40 572	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
33	71LA WS40 413	Luật Tố tụng dân sự	3	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
34	71LA WS40 023	Công pháp Quốc tế	3	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
35	71LA WS40 433	Luật Tố tụng hình sự	3	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
36	71LA WS40 673	Tư pháp Quốc tế	3	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
37	71LA WS40 142	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	N	H	N	N	S	H	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
38	71LA WS40 303	Luật Lao động	3	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
39	71LA WS40 212	Luật Đất đai	2	N	S	H	N	S	H	S	S	H	S
40	71LA WS40 222	Luật Đầu tư	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
41	71LA WS40 322	Luật Ngân hàng	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
42	71LA WS40 403	Luật Thương mại quốc tế	3	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
43	71LA WS40 393	Luật Thuế	3	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
44	71LA WS40 202	Luật Cạnh tranh	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
45	71LA WS40 593	Pháp luật về xuất nhập khẩu	3	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
46	71LA WS40 193	Luật các tổ chức Quốc tế về thương mại	3	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
47	71LA WS40 292	Luật Hôn nhân và gia đình	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
48	71LA WS40 042	Hệ thống pháp luật Việt Nam	2	N	H	S	H	N	S	N	N	H	S
49	71LA WS40 472	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
50	71LA WS40 312	Luật Môi trường	2	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
51	71LA WS40 342	Luật Sở hữu trí tuệ	2	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
52	71LA WS40 562	Pháp luật về thương mại điện tử	2	N	S	H	N	S	S	S	S	H	S
53	71LA WS40 182	Luật Biển Quốc tế	2	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
54	71LA WS40 362	Luật Thi hành án dân sự	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
55	71LA WS40 482	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
56	71LA WS40 232	Luật Đầu tư quốc tế	2	N	S	H	N	S	H	S	N	H	S
57	71LA WS40 644	Thực tập	4	N	H	H	S	S	S	S	S	H	S
58	71LA WS40 126	Khóa Luận tốt nghiệp	6	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
59	71LA WS40 053	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S
60	71LA WS40 093	HPTN2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S

*: môn học điều kiện tốt nghiệp và không tính vào điểm bình quân tích lũy

- Giải thích:

N: Không đóng góp (none supported): tương ứng với mức độ đóng góp dưới 20%.

S: Có đóng góp (supported): tương ứng mức độ đóng góp từ 20% đến 50%

H: Đóng góp quan trọng (highly supported): tương ứng mức độ đóng góp trên 50%

7. Các chương trình và quy định được tham khảo

7.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo
<ul style="list-style-type: none"> - Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học). - Đối sánh CTĐT với các trường: <ul style="list-style-type: none"> + Trong nước: đối sánh với các chương trình đào tạo ngành Luật của các trường có uy tín tại Việt Nam như: Chương trình đào tạo Luật thương mại của Đại học Kinh tế - Luật, chương trình đào tạo ngành Luật thương mại của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội và chương trình đào tạo ngành Luật kinh doanh của Đại học Cần Thơ; + Nước ngoài: đối sánh với các chương trình đào tạo ngành Luật của các trường như: Trường Đại học Bristol (Anh) – Top 13 về đào tạo Luật của Anh và Top 50 về đào tạo Luật của thế giới (năm 2018); Trường Đại học Monash (Úc) – Top 31 về đào tạo Luật của thế giới (QS Subject Ranking 2019) và Trường Đại học Quốc gia Singapore – Top 15 toàn thế giới, thứ 2 Châu Á (QS World University Rankings 2018).
7b. Điều kiện tốt nghiệp
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên tích lũy đủ 130 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của nhà trường (nếu có). 2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4): <ul style="list-style-type: none"> - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0 - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59 - Khá: từ 2.50 đến 3.19 - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

8. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

8.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
HỌC KỲ 1				
Học phần bắt buộc				
1	71ENG110013	Anh văn 1 (IELTS) (English 1)	3	30LT/30TH
2	71LAWS10172	Logic học đại cương (General Logic)	2	30LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
3	71LAWS10612	Lý luận về Nhà nước và pháp luật (Theory of State and Law)	3	45LT
4	71LAWS10172	Luật Hiến pháp (Constitutional law)	2	30LT
5	71ECON20063	Kinh tế học đại cương (Economics)	3	45LT
6		Giáo dục quốc phòng (National Defence Education)	11	90LT/75TH
HỌC KỲ 2				
Học phần bắt buộc				
7	71ENG210023	Anh văn 2 (IELTS) (English 2)	3	30LT/30TH
8	71LAWS10612	Tâm lý học đại cương (General Psychology)	2	30LT
9	71INFB10012	Tin học cơ bản (Basic informatics)	2	60TH
10	71SSK020003	Kỹ năng mềm (Soft skills)	3	30LT/30TH
11	71LAWS40463	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế (General Issues in Civil Law, Property and Inheritance Rights)	3	45LT
HỌC KỲ 3				
Học phần bắt buộc				
12	71ENG310033	Anh văn 3 (IELTS) (English 3)	3	30LT/30TH
13	71LAWS40243	Luật Hành chính (Administrative law)	3	45LT
14	71LAWS30162	Lịch sử Nhà nước và pháp luật (History of State and Law)	2	30LT
15	71LAWS40553	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Law on Contract and Compensation for non-contractual damages)	3	45LT
Học phần tự chọn				
16	71LAWS10152	Lễ tân ngoại giao (Diplomatic Reception)	2	30LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
17	71LAWS10602	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific research method)	2	30LT
HỌC KỲ 4				
Học phần bắt buộc				
18	71ENG410043	Anh văn 4 (IELTS) (English 4)	3	30LT/30TH
19	71POLP10013	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45LT
20		Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	2	15LT/30TH
21	71LAWS40523	Pháp luật về chủ thể kinh doanh (Law on Business entity)	3	45LT
22	71LAWS40264	Luật Hình sự (Criminal Law)	4	60LT
HỌC KỲ 5				
Học phần bắt buộc				
23	71ENG510053	Anh văn 5 (IELTS) (English 5)	3	30LT/30TH
24	71POLE10022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Marxist-Lenin political economy)	2	30LT
25		Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	2	15LT/30TH
26	71LAWS40572	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ (Law on Goods and Service Trade)	2	30LT
27	71LAWS40433	Luật Tố tụng hình sự (Criminal Procedure Law)	3	45LT
Học phần tự chọn				
28	71LAWS40292	Luật Hôn nhân và gia đình (Marriage and Family Law)	2	30LT
29	71LAWS40042	Hệ thống pháp luật Việt Nam (Vietnamese legal system)	2	30LT
HỌC KỲ 6				
Học phần bắt buộc				
30	71ENG610063	Anh văn 6 (IELTS) (English 6)	3	30LT/30TH
31	71LAWS40023	Công pháp Quốc tế (Public International Law)	3	45LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
32	71LAWS40212	Luật Đất đai (Land Law)	2	30LT
33	71LAWS40413	Luật Tố tụng dân sự (Civil Procedure Law)	3	45LT
Học phần tự chọn				
34	71LAWS40312	Luật Môi trường (Environmental Law)	2	30LT
35	71LAWS40472	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm (Law on Insurance Business)	2	30LT
HỌC KỲ 7				
Học phần bắt buộc				
36	71ENG710073	Anh văn 7 (IELTS) (English 7)	3	30LT/30TH
37	71LAWS40403	Luật Thương mại Quốc tế (International trade Law)	3	45LT
38	71LAWS40673	Tư pháp Quốc tế (Private International Law)	3	45LT
Học phần tự chọn				
39	71LAWS40562	Pháp luật về thương mại điện tử (Law on E-commerce)	2	30LT
40	71LAWS40342	Luật Sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Law)	2	30LT
HỌC KỲ 8				
Học phần bắt buộc				
41	71LAWS40303	Luật Lao động (Labor Law)	3	45LT
42	71LAWS40322	Luật Ngân hàng (Banking Law)	2	30LT
43	71POL10032	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30LT
44	71LAWS40202	Luật Cạnh tranh (Competition Law)	2	30LT
Học phần tự chọn				
45	71LAWS40182	Luật Biển Quốc tế (International law of the Sea)	2	30LT
46	71LAWS40362	Luật Thi hành án dân sự (Law on Enforcement of Civil Judgments)	2	30LT
HỌC KỲ 9				

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
Học phần bắt buộc				
47	71LAWS40222	Luật Đầu tư (Investment Law)	2	30LT
48	71POLH10042	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thought)	2	30LT
49	71POLC10052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	2	30LT
50	71LAWS40193	Luật các tổ chức Quốc tế về thương mại (Law on International Business Organizations)	3	45LT
51	71LAWS40393	Luật Thuế (Taxation Law)	3	45LT
HỌC KỲ 10				
Học phần bắt buộc				
52	71LAWS40142	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (Paragraph Writing skill)	2	30LT
53	71LAWS30352	Luật So sánh (Comparative Law)	2	30LT
54	71LAWS40593	Pháp luật về xuất nhập khẩu (Law on Export and Import)	3	45LT
Học phần tự chọn				
55	71LAWS40482	Pháp luật kinh doanh bất động sản (Law on Real Estate business)	2	30LT
56	71LAWS40232	Luật Đầu tư Quốc tế (International Investment law)	2	30LT
HỌC KỲ 11				
Học phần tự chọn				
57	71LAWS40126	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	6	
58	71LAWS40053	HPTN1: Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại (Methods of dispute resolution in international Business)	3	45LT
59	71LAWS40093	HPTN 2: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh (Topic 2: Contract negotiation, drafting, consulting and dispute resolution skills)	3	45LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
HỌC KỲ 12				
Học phần bắt buộc				
60	71LAWS40644	Thực tập (Internship)	4	180TT
TỔNG			130	

8.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

(1) **Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung môn học gồm có 3 chương, giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.

(2) **Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/ học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, song hành với CNXHKKH.

Nội dung học phần: Nội dung học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương 2, 3, 4 tập trung nghiên cứu những lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương 5,6 trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

(3) **Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, song hành với KTCT Mác - Lê nin.

Nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương trình bày quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên vận dụng phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về học phần nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

(4) **Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, KTCT Mác - Lênin, CNXHKKH; song hành với LSDCSVN.

Nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ

sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng cơ bản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Môn học còn rèn luyện ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn.

(5) **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, KTCT Mác - Lê nin, CNXHKKH; song hành với Tư tưởng HCM.

Nội dung học phần: Học phần gồm 4 chương, trình bày về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), về kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất đất nước (1945 – 1975), về đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Môn học còn định hướng lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong lịch sử dân tộc.

(6) **Logic học đại cương: 02 Tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Bao gồm đại cương về logic, khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụy biện, các quy luật cơ bản của logic hình thức; Một số chuyên đề dưới hình thức thảo luận, nêu mối liên hệ giữa logic với các khoa học khác.

(7) **Tâm lý học đại cương: 02 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Nội dung chính của học phần bao gồm:

Chương 1. Nhập môn Tâm lý học;

Chương 2. Hoạt động và giao tiếp;

Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý và ý thức;

Chương 4. Hoạt động nhận thức;

Chương 5. Xúc cảm, tình cảm;

Chương 6. Ý chí;

Chương 7. Nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách.

(8) **Anh văn 1 (IELTS): 03 tín chỉ**

Điều kiện tiên quyết: Anh văn dự bị

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A1 bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: nghề nghiệp, chụp ảnh, du lịch, và thành phố;
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương

pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.

- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

(9) Anh văn 2 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 1

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A2 - bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: khó khăn và kết quả, bảo vệ môi trường, phát minh khoa học, lịch sử, khám phá vũ trụ, thành tựu khoa học.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

(10) Anh văn 3 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 2.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Sơ cấp A2+ bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh hậu sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: Nghề nghiệp, cảm xúc, thời tiết, marketing, thức ăn.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

(11) Anh văn 4 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 3.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1 bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: tương lai, khám phá vũ trụ, âm nhạc - nghệ thuật, tự nhiên, sức mạnh của hình ảnh, phương pháp giao tiếp.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại,

bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.

- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu

(12) Anh văn 5 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 4.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1+ bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: Hạnh phúc, sức khỏe, công nghệ, văn hoá - truyền thống, bảo vệ nguồn nước, trí nhớ và học tập, bộ não con người.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

(13) Anh văn 6 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 5

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ tiền trung cao cấp B2- bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh tiền trung cao cấp, liên quan đến các chủ đề: Thức ăn, thảm họa tự nhiên, kỳ quan nhân tạo, thích nghi tự nhiên, con người và tự nhiên, công việc trong tương lai, phương pháp giao tiếp.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu

(14) Anh văn 7 (IELTS): 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 6.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ trung cao cấp B2/ B2+ - bao gồm:

- Những câu hỏi mẫu, các mẹo làm bài, các bài tập và các bài thi thử liên quan đến các dạng bài trong kỳ thi IELTS: chọn câu đúng, kết nối thông tin, nhận định thông tin (đúng/ sai/ không có trong bài), hoàn tất câu, hoàn tất các biểu mẫu/ sơ đồ dựa vào nội dung bài, viết các bài văn ngắn mang tính chất học thuật, nói về các chủ đề quen thuộc (công việc, học tập, sở thích, thói quen, kỷ niệm, v.v.).
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

(15) Tin học cơ bản: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Môn học bao gồm 6 modules:

- Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT.
- Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản.
- Module 3: Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Word.
- Module 4: Xử lý bảng tính với phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế.
- Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint.
- Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin, sử dụng hộp thư điện tử. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.

(16) Giáo dục thể chất 1, 2: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.

(17) Giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: được ban hành theo Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh trình độ Đại học và Cao đẳng.

(18) Kỹ năng mềm: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên hiểu được mục tiêu và bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học. Sinh viên sẽ được học về những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phản hồi thông tin. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp những kiến thức có ích khác cho cuộc sống sinh viên như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản thân nhằm giúp sinh viên thích nghi tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời. Sinh viên cũng được học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thấu hiểu bản thân và nhận diện được đối tượng giao tiếp để có cách giao tiếp phù hợp; kỹ năng trình bày; kỹ năng làm việc nhóm.

(19) Lễ tân ngoại giao : 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau đây :

- Công nhận quốc gia và thiết lập quan hệ ngoại giao, quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao; hàm, cấp và chức vụ ngoại giao
- Lịch sử hình thành của Lễ tân ngoại giao
- Khái niệm, vai trò, nguyên tắc của lễ tân ngoại giao
- Phân biệt lễ tân ngoại giao với lễ tân đối ngoại với nghi thức nhà nước
- Hiểu được ý nghĩa của các biểu tượng quốc gia trong quan hệ quốc tế. Biệt cách sử dụng các biểu tượng quốc gia thế nào cho đúng
- Hiểu rõ các danh nghĩa viếng thăm của đoàn cấp cao nước ngoài; cách thức chuẩn bị đón tiếp các chuyến thăm của đoàn cấp cao nước ngoài
- Nghi thức đón tiếp đoàn cấp cao nước ngoài sang thăm
- Ngôi thứ ngoại giao; cách sắp xếp chỗ ngồi trong các hội nghị hội thảo quốc tế
- Ý nghĩa, các hình thức chiêu đãi ngoại giao; cách tổ chức tiệc chiêu đãi ngoại giao; sắp xếp chỗ ngồi trong bàn tiệc
- Ứng xử thường thức khi tiếp xúc xã giao (ấn tượng ban đầu); hôn hữu nghị, bắt tay, trao ‘card bussiness’; cách sử dụng cụ ăn Âu và Mỹ; cảm ơn, xin lỗi, xin phép; khen và chê thế nào cho đúng; sử dụng điện thoại

(20) Phương pháp nghiên cứu khoa học: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Giới thiệu đến sinh viên các khối kiến thức:

- Giải thích pháp luật.
- Phân tích luật viết.
- Bình luận án.
- Các phương pháp nghiên cứu luật học.
- Cách thức tiến hành nghiên cứu một đề tài về pháp luật.

(21) Kinh tế học đại cương: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Kinh tế học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của thị trường và của toàn bộ nền kinh tế; về hành vi và cách thức ra quyết định nhằm tối ưu hóa lợi ích của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong điều kiện các nguồn

lực khan hiếm; về cách thức đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; qua đó sẽ giúp sinh viên có khả năng giải thích, nhận định tình hình biến động của thị trường và của toàn bộ nền kinh tế; hiểu biết các chính sách kinh tế mà chính phủ áp dụng trong điều hành nền kinh tế.

Kinh tế học đại cương là nền tảng cho nhiều môn học khác và giúp cho người học tư duy tổng thể, đa chiều và tư duy phản biện.

(22) Lý luận Nhà nước và pháp luật: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản có hệ thống về nhà nước và pháp luật, về quy luật hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật. Những khái niệm, phạm trù cơ bản nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển các hiện tượng quá trình của đời sống nhà nước và pháp luật.

(23) Lịch sử Nhà nước và pháp luật: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Lịch sử nhà nước và pháp luật cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế của nhà nước - pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử.

(24) Luật So sánh: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.

Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Lý luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

(25) Luật Hiến pháp: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Giới thiệu khái quát về Luật Hiến pháp và Hiến pháp Việt Nam, những chế định cơ bản của Luật Hiến pháp như chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; giới thiệu về bộ máy nhà nước.

(26) Luật Hành chính: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật.

Nội dung học phần: Nêu những vấn đề cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước như: cơ quan hành chính nhà nước; quan hệ pháp luật hành chính; cán bộ, công chức; quyết định hành chính; thủ tục hành chính; trách nhiệm pháp lý hành chính

(27) Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật.

Nội dung học phần: Giới thiệu các vấn đề chung của Luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng

điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản...

(28) Luật Hình sự: 04 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.

Nội dung học phần: Nêu khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của luật hình sự; khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của đạo luật hình sự; tội phạm, cấu thành tội phạm; khách thể và chủ thể của tội phạm; khái niệm, trách nhiệm hình sự; mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; các loại tội phạm về kinh tế.

(29) Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về nghĩa vụ, về hợp đồng, bao gồm khái niệm, hình thức, nội dung của hợp đồng, giao kết hợp đồng, hiệu lực, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự, cách phân loại hợp đồng; điều kiện phát sinh, nguyên tắc bồi thường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại, các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể:

(30) Pháp luật về chủ thể kinh doanh: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ thể kinh doanh bao gồm: doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Phương thức thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên của doanh nghiệp, về tổ chức quản lý doanh nghiệp, về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. Một số vấn đề pháp lý đặc thù về doanh nghiệp có vốn nhà nước; Quy chế pháp lý về Hợp tác xã, pháp lý về nhóm công ty cũng như khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản và thủ tục phá sản doanh nghiệp, HTX.

(31) Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/ học trước: Sau Pháp luật về chủ thể kinh doanh.

Nội dung học phần: Những kiến thức pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa; hoạt động trung gian thương mại; xúc tiến thương mại; cung ứng dịch vụ thương mại; đấu giá, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ; nhượng quyền thương mại cũng như chế tài, phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại, tranh chấp thương mại trọng tài.

(32) Luật Tố tụng dân sự: 03 tín chỉ:

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: Nêu khái niệm và nguyên tắc của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền của tòa án nhân dân, cơ quan tiến hành và tham gia tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; án phí, chi phí tố tụng; lệ phí tòa án và tiền phạt trong tố tụng dân sự; Khởi kiện, khởi tố và thụ lý án dân sự; điều tra, tạm đình chỉ và đình chỉ việc giải quyết vụ án

dân sự; hòa giải vụ án dân sự; phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm án dân sự; giải quyết vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài.

(33) Công pháp Quốc tế: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Hình sự.

Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...

(34) Luật Tố tụng hình sự: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Hình sự.

Nội dung học phần gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và tham gia tố tụng; chứng cứ trong tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm, xét lại bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm; quyết định của tòa án và thi hành bản án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật

(35) Tư pháp Quốc tế: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Công pháp Quốc tế, Luật Tố tụng dân sự.

Nội dung học phần gồm: những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho SV hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

(36) Kỹ thuật soạn thảo văn bản: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Hành chính.

Nội dung học phần: Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản bao gồm: Khái quát về soạn thảo văn bản pháp luật, Quy trình ban hành văn bản pháp luật, Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật, Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật, Kiểm tra và xử lí văn bản pháp luật, Kỹ năng soạn thảo VBPL và văn bản hành chính.

(37) Luật Lao động: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau những vấn đề chung về dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: Gồm các kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động Việt Nam; khái niệm, ý nghĩa, đối tượng áp dụng hợp đồng lao động, việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; một số vấn đề pháp lý về tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; an toàn lao động và vệ sinh lao động; các hình thức kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi thường và cách thức bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.

(38) Luật Đất đai: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lý cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất... các hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai

(39) Luật Đầu tư: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh bao gồm hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo khuyến khích đầu tư, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, quy chế pháp lý về đầu tư ra nước ngoài, quy chế pháp lý về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.

(40) Luật Ngân hàng : 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Giới thiệu về những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến ngân hàng và hoạt động ngân hàng (Lịch sử hình thành và phát triển hoạt động ngân hàng, Hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay, Khái niệm và đặc điểm hoạt động ngân hàng); Xác định được quan hệ pháp luật ngân hàng; Liệt kê được các nguyên tắc của Luật Ngân hàng; Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tóm tắt được các hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Môn học giới thiệu về Tổ chức tín dụng; các loại hình tổ chức tín dụng; các hoạt động của TCTD; Vận dụng một số quy định của Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết các tình huống thực tế. Giới thiệu Pháp luật về quản lý Nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối; Pháp luật về tín dụng ngân hàng

(41) Luật Thương mại Quốc tế: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ; song hành với Tư pháp Quốc tế.

Nội dung học phần: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân bao gồm: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

(42) Luật Thuế: 3 tín chỉ.

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Học phần trang bị kiến thức, kỹ năng về luật thuế. Học phần gồm 5 chương, với các nội dung chính: Lý luận chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam; Pháp luật thuế thu vào hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật thuế thu vào thu nhập; Pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản Nhà nước; Pháp luật về quản lý thuế.

(43) Luật Cạnh tranh: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Những vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, Pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, Bộ máy thực thi Luật Cạnh tranh và Tổ tụng cạnh tranh; Tranh chấp thương mại, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án và Tổ tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

(44) *Pháp luật về xuất nhập khẩu: 03 tín chỉ*

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ; Luật thương mại quốc tế.

Nội dung học phần bao gồm:

Chương 1 – Tổng quan về hoạt động xuất nhập khẩu và pháp luật xuất nhập khẩu

Chương 2 – Quản lý nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu

Chương 3 – Hệ thống thủ tục hải quan và chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu

Chương 4 – Hợp đồng xuất nhập khẩu

Chương 5 – Giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu

(45) *Luật các tổ chức Quốc tế về thương mại: 3 tín chỉ*

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật thương mại Quốc tế.

Học phần các tổ chức quốc tế về thương mại trình bày các vấn đề pháp lý của một số tổ chức quốc tế, cộng đồng kinh tế quốc tế lớn trên thế giới có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh thương mại như Tổ chức thương mại thế giới WTO, Cộng đồng các quốc gia ASEAN và Liên minh Châu Âu EU. Nội dung sẽ tập trung vào các nội dung bao gồm tổng quan về liên kết kinh tế thương mại trên thế giới hiện nay; thiết chế pháp lý, chương trình và kế hoạch hợp tác, các điều ước quốc tế song phương và đa phương đã ký kết, cơ chế tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cơ chế giải quyết tranh chấp của các tổ chức quốc tế.

(46) *Luật Hôn nhân và gia đình: 02 tín chỉ*

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với các con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

(47) *Hệ thống pháp luật Việt Nam (Vietnamese legal system): 02 tín chỉ*

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận Nhà nước và pháp luật.

Nội dung học phần: Trình bày tổng quan về các cơ sở pháp lý chung và một số lĩnh vực pháp luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam theo ngôn ngữ tiếng Anh, bao gồm các nội dung: cấu trúc nguồn luật và bộ máy nhà nước Việt Nam; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính; Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Luật Lao động và Luật An sinh xã hội Việt Nam; Luật Doanh nghiệp; Luật Thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

(48) *Pháp luật kinh doanh bảo hiểm: 02 tín chỉ*

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Trình bày, giới thiệu các vấn đề sau đây:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm.

Chương 2: Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm.

Chương 3: Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm.

Chương 4: Pháp luật về bảo hiểm tài sản.

Chương 5: Pháp luật về bảo hiểm con người.

Chương 6: Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

(49) Luật Môi trường: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Hành chính.

Nội dung học phần: Học phần được xây dựng giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về: Khái niệm về môi trường, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, đánh giá tác động môi trường, hệ thống tiêu chuẩn về môi trường, vấn đề quản lý chất thải; pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường; các khía cạnh pháp lý quốc tế về bảo vệ môi trường.

(50) Luật Sở hữu trí tuệ: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: Gồm những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.

(51) Pháp luật về thương mại điện tử: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Trình bày, giới thiệu các vấn đề sau đây:

Chương 1: Những vấn đề chung về thương mại điện tử và Luật Thương mại điện tử.

Chương 2: Pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử.

Chương 3: Pháp luật về thanh toán trong thương mại điện tử.

Chương 4: Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

(52) Luật Biển Quốc tế: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Công pháp Quốc tế.

Nội dung học phần: Luật Biển là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống những quy định pháp luật về biển trong việc xác định chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia trên các vùng biển, vấn đề hợp tác trong việc sử dụng, khai thác tài nguyên biển và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình sử dụng và khai thác biển, đại dương.

Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (i) Chế độ pháp lý của các vùng biển theo công ước 1982 về luật biển mà Việt Nam là thành viên và theo luật biển Việt Nam năm 2013, xác định ranh giới các vùng biển, phân định biển. (ii) Những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp về biển như khái niệm, phân loại tranh chấp biển, cơ chế và biện pháp giải quyết tranh chấp biển theo

công ước 1982 mà Việt Nam là thành viên, thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp biên giới Việt Nam với các nước trong khu vực.

(53) Luật thi hành án dân sự: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Tố tụng dân sự.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức về những vấn đề chung về thi hành án dân sự. Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và chấp hành viên. Thủ tục thi thành án, biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án. Thi hành án trong một số trường hợp cụ thể. Khiếu nại, tố cáo và kháng nghị về thi hành án dân sự.

(54) Pháp luật kinh doanh bất động sản: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Đất đai

Nội dung học phần: Môn học trình bày các vấn đề sau đây:

Khái quát về pháp luật kinh doanh bất động sản.

Chủ thể kinh doanh trong thị trường bất động sản.

Các hoạt động kinh doanh bất động sản cụ thể.

Hợp đồng kinh doanh hàng hóa bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.

Pháp luật về kinh doanh nhà ở.

Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản.

Tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

(55) Luật Đầu tư Quốc tế: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Đầu tư; Luật thương mại quốc tế.

Nội dung học phần: Nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, nhằm tự do hoá đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Môn học nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, như các điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, các hiệp định đầu tư song phương (BITs), các hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư, v.v..

(56) Thực tập: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Thực tập nghề nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm việc thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp, qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của lĩnh vực chuyên ngành đã học tại tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có dịp học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường.

(57) Khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

Những sinh viên đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ tự chọn một đề tài có thể là một vấn đề hay một khía cạnh nhỏ trong số những vấn đề do Khoa quy định. Nếu chọn vấn đề khác thì phải được sự đồng ý của giảng viên. Sinh viên triển khai đề tài thành một công trình nghiên cứu.

Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến các kiến thức của ngành Luật Kinh tế. Khi thực hiện khóa luận, sinh

viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học.

Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận.

Những sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 học phần tốt nghiệp tương đương.

(58) Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Luật Tố tụng dân sự và Pháp luật về thương mại, hàng hóa, dịch vụ.

Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại. Nội dung cụ thể bao gồm:

Tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại thông qua thương lượng, hòa giải, giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án, đặc biệt môn học chú trọng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống pháp lý, những vụ việc tranh chấp thương mại đã xảy ra trong thực tế để sinh viên ứng dụng, vận dụng để nhận diện các vấn đề pháp lý cũng như tích lũy kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động giải quyết tranh chấp trong thương mại tại Việt Nam hiện nay.

(59) Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn hợp đồng trong kinh doanh: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: Gồm ba nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng tư vấn hợp đồng.

Trong phần kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp sinh viên có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Môn học sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến phát sinh trong quá trình làm việc sau này. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau sinh viên sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó.

Môn học giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về hợp đồng, có kiến thức pháp lý tổng quan về các loại hợp đồng trong kinh doanh, các rủi ro pháp lý đối với từng loại hợp đồng cụ thể, để từ đó có thể tư vấn cho khách hàng trong quá trình chuẩn bị cũng như ký kết và thực hiện hợp đồng.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng.

8.c. Tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế đánh giá

i) Giảng dạy và học tập
<ul style="list-style-type: none"> - Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa; - Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến; - Thông qua cố vấn học tập: đặt lịch hẹn.
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp. - Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tham gia các hoạt động trải nghiệm như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tham dự các phiên tòa tại Tòa án nhân dân; + Thực tập tại các Tổ chức hành nghề Luật sư; + Tham dự mô phỏng các phiên tòa tập sự; + Tham gia các cuộc thi về pháp luật cấp Khoa, cấp Trường và cấp Thành phố; - Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.
iii) Các phương pháp đánh giá
<p>Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, dự án, đồ án....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo quy định của Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Văn Lang: Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ. - Sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm quá trình: Thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá như làm bài thuyết trình, bài tập, chuyên cần, phát biểu ý kiến, thảo luận, diễn án; + Điểm cuối kỳ: Thi, tiểu luận.

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không?
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên từ năm thứ 2 có cơ hội trải nghiệm công việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức... từ đó sinh viên nhìn thấy rõ ràng bức tranh nghề nghiệp trong thực tế sau này ra trường đi làm. - CTĐT đã thiết kế thời gian thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức... để thực hành công việc thực tế đúng chuyên ngành được đào tạo.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là bắt buộc hay tùy chọn?

CTĐT yêu cầu một số học phần phải đào tạo thông qua công việc thực tế, sinh viên được yêu cầu xử lý trên quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức....

9.c. Tóm tắt bản chất học tập qua công việc thực tế

Một số học phần được tổ chức giảng dạy tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức... giúp sinh viên xử lý trên các quy trình công việc thực tế. Sinh viên có cơ hội nghiên cứu, khám phá và trình bày quan điểm với giảng viên và các chuyên gia tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức ... các vấn đề học hỏi được từ thực tế.

9.d. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp

Trưởng khoa/Phó trưởng khoa/Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức.... Các giảng viên được phân công hướng dẫn các nhóm kết hợp với các trưởng bộ phận tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức... thiết kế nội dung thực tập phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT và tổ chức đánh giá trên sản phẩm mà sinh viên phải hoàn thành sau mỗi đợt làm việc thực tế tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức....

9.e. Thời gian học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (học kỳ doanh nghiệp)

Thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 10 – 12 tuần.

9.f. Đánh giá học phần học trải nghiệm công việc thực tế

Đối với các học phần kiến tập và thực tập tốt nghiệp, sau khi kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo/tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn và các chuyên gia tại doanh nghiệp sẽ đánh giá và cho điểm.

10. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các luật sư, các nhà khoa học trong và ngoài nước.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Sinh viên/cựu sinh viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào sinh viên đang học hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu lạc bộ sinh viên, ban cán sự lớp, hoặc phiếu lấy ý kiến đóng góp của sinh viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua CLB cựu sinh viên được khoa tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

12. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

12.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
---	--------	--

12.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
12.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

13. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

14. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 02/7/2021.

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

PGS. TS. Bùi Anh Thủy